

BÀI 19

TỤC NGỮ VỀ CON NGƯỜI VÀ XÃ HỘI

ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

- Hiểu nội dung, ý nghĩa và một số hình thức diễn đạt (so sánh, ẩn dụ, nghĩa đen và nghĩa bóng) của những câu tục ngữ trong bài học.
- Thuộc lòng những câu tục ngữ trong văn bản.

II – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

1. Giới thiệu bài

Tục ngữ là những lời vàng ý ngọc, là sự kết tinh kinh nghiệm, trí tuệ của nhân dân qua bao đời. Ngoài những kinh nghiệm về thiên nhiên và lao động sản xuất, tục ngữ còn là kho báu những kinh nghiệm dân gian về con người và xã hội. Dưới hình thức những nhận xét, lời khuyên nhủ, tục ngữ truyền đạt rất nhiều bài học bổ ích, vô giá trong cách nhìn nhận giá trị con người, trong cách học, cách sống và ứng xử hằng ngày.

2. Tiến trình tổ chức các hoạt động

Hoạt động 1. Hướng dẫn HS đọc văn bản và các chú thích, trang 12, SGK. Khi HS đọc, GV cần hướng dẫn HS ngắt nhịp cho đúng.

Hoạt động 2. Hướng dẫn HS trả lời, thảo luận các câu hỏi trong phần Đọc – hiểu văn bản, trang 12 và 13, SGK.

Câu hỏi 2

Thảo luận ở lớp về từng câu tục ngữ (theo những yêu cầu cụ thể của câu hỏi). GV hướng dẫn HS tập trung tìm hiểu kĩ một số câu. Những câu còn lại, HS tự tìm hiểu (cá nhân hoặc theo nhóm học tập) ở nhà.

(1) *Một mặt người bằng mười mặt của.*

a) Nghĩa của câu này là *người quý hơn của, quý gấp bội lần.*

Không phải là nhân dân không coi trọng của, nhưng nhân dân đặt con người lên trên mọi thứ của cải.

– *Mặt của* : cách nhân hoá của.

– Cách dùng từ *mặt người, mặt của* là để tương ứng với hình thức và ý nghĩa của sự so sánh trong câu, đồng thời tạo nên những điểm nhấn sinh động về từ ngữ và nhịp điệu cho người đọc, người nghe chú ý.

– Hình thức so sánh, với những đối lập đơn vị chỉ số lượng (một >< mười, khẳng định sự quý giá của người so với của).

Dị bản của câu tục ngữ này – "Một mặt người hơn mười mặt của" – càng khẳng định điều đó.

b) Câu tục ngữ khẳng định tư tưởng coi trọng con người, giá trị con người của nhân dân ta. GV nên sưu tầm một số câu tục ngữ khác có nội dung tương tự để làm sáng tỏ thêm tư tưởng trên. (Ví dụ : "Người làm ra của chứ của không làm ra người", "Người sống hơn đồng vàng", "Lấy của che thân, không ai lấy thân che của",...)

c) Câu tục ngữ này có thể sử dụng trong nhiều văn cảnh :

– Phê phán những trường hợp coi của hơn người.

– An ủi, động viên những trường hợp mà nhân dân cho là "Của đi thay người".

– Nói về tư tưởng đạo lí, triết lí sống của nhân dân : đặt con người lên trên mọi thứ của cải.

– Quan niệm về việc sinh đẻ trước đây : muốn đẻ nhiều con.

(2) *Cái răng, cái tóc là góc con người.*

a) Câu này có hai nghĩa :

– Răng và tóc phần nào thể hiện được tình trạng sức khoẻ con người.

– Răng, tóc là một phần thể hiện hình thức, tính tình, tư cách của con người.

Suy rộng ra, những cái gì thuộc hình thức con người đều thể hiện nhân cách của người đó.

b) Câu tục ngữ có thể được sử dụng trong các văn cảnh sau :

– Khuyên nhủ, nhắc nhở con người phải biết giữ gìn răng, tóc cho sạch và đẹp.

– Thể hiện cách nhìn nhận, đánh giá, bình phẩm con người của nhân dân.

(3) *Đói cho sạch, rách cho thơm.*

– Câu tục ngữ có hai vế, đối rất chỉnh. Hai vế bổ sung và làm sáng tỏ nghĩa cho nhau.

Các từ *đói* và *rách* thể hiện sự khó khăn, thiếu thốn về vật chất (thiếu ăn, thiếu mặc) ; *sạch, thơm* chỉ những điều con người cần phải đạt, phải giữ gìn, vượt lên trên hoàn cảnh.

Các từ nói trên vừa được hiểu tách bạch trong từng vế, vừa được hiểu trong sự kết hợp giữa hai vế của câu (*đói – rách, sạch – thơm*).

Nghĩa đen của câu tục ngữ : Dù đói vẫn phải ăn uống sạch sẽ, dù rách vẫn phải ăn mặc sạch sẽ, giữ gìn cho thơm tho.

Nghĩa bóng của câu tục ngữ : Dù nghèo khổ, thiếu thốn vẫn phải sống trong sạch, không vì nghèo khổ mà làm điều xấu xa, tội lỗi.

– Hai vế của câu có kết cấu đẳng lập nhưng bổ sung nghĩa cho nhau : Dù nói về cái ăn hay cái mặc, đều nhắc người ta giữ gìn cái *sạch* và *thơm* của nhân phẩm. Đây là sự trong sạch, cao cả của đạo đức, nhân cách trong những tình huống dễ sa trượt. Câu tục ngữ có ý nghĩa giáo dục con người phải có lòng tự trọng.

(4) *Học ăn, học nói, học gói, học mở.*

a) Câu tục ngữ này có bốn vế. Các vế vừa có quan hệ đẳng lập, vừa có quan hệ bổ sung cho nhau. Từ "học" lặp lại bốn lần, vừa nhấn mạnh, vừa để mở ra những điều con người cần phải học.

– *Học ăn, học nói*

Nghĩa của hai vế này, chính tục ngữ đã giải thích cụ thể và khuyên nhủ : Đó là "ăn trông nôi, ngồi trông hướng", "Ăn nên đọi (bát), nói nên lời", "Lời nói gói vàng", "Lời nói chẳng mất tiền mua, Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau", "Im lặng là vàng",...

– Học gói, học mở

"Các cụ kể rằng, ở Hà Nội, trước đây một số gia đình giàu sang thường gói nước chấm vào lá chuối xanh đặt vào cái chén xinh bày lên mâm. Lá chuối tươi giòn, dễ gãy rách khi gập gói, dễ bật tung khi mở. Người gói phải khéo tay mới gói được. Người ăn phải biết mở gói nước chấm sao cho khỏi bắn tung toé ra ngoài chén, và bắn vào quần áo người ngồi bên cạnh. Biết gói, biết mở trong trường hợp này được coi là một tiêu chuẩn của con người khéo tay, lịch thiệp. Như vậy, để biết gói nước chấm và mở nước chấm ra ăn đều phải học"(1).

Suy rộng ra, "học gói, học mở" còn có thể hiểu là học để biết làm, biết giữ mình và biết giao tiếp với người khác.

b) Mỗi hành vi của con người ta đều là sự "tự giới thiệu" mình với người khác và đều được người khác đánh giá. Vì vậy, con người phải học để mọi hành vi, ứng xử đều chứng tỏ mình là người lịch sự, tế nhị, thành thạo công việc, biết đối nhân xử thế, tức con người có văn hoá, nhân cách. Câu tục ngữ khuyên nhủ chúng ta điều đó.

(5) *Không thầy đố mày làm nên.*

(6) *Học thầy không tày học bạn.*

Hai câu này, GV có thể hướng dẫn HS tìm hiểu khi thảo luận câu 3*, trang 13, SGK.

(7) *Thương người như thể thương thân.*

Câu tục ngữ khuyên nhủ con người thương yêu người khác như chính bản thân mình.

Hai tiếng "thương người" đặt trước "thương thân" để nhấn mạnh đối tượng cần đồng cảm, thương yêu. Câu tục ngữ khuyên con người lấy bản thân mình soi vào người khác, coi người khác như bản thân mình, để quý trọng, đồng cảm, thương yêu đồng loại.

Đây là lời khuyên, triết lí về cách sống, cách ứng xử trong quan hệ giữa con người với con người. Lời khuyên và triết lí sống ấy đầy giá trị nhân văn.

GV cần nhấn mạnh : Tục ngữ không chỉ là kinh nghiệm về tri thức, về cách ứng xử, mà còn là bài học về tình cảm.

(1) Hoàng Văn Hành (Chủ biên), *Kể chuyện thành ngữ, tục ngữ*, tập I, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1988.

(8) *Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.*

– Nghĩa của câu : Khi được hưởng thành quả (nào đó), phải nhớ đến người đã có công gây dựng nên, phải biết ơn người đã giúp mình.

– Câu tục ngữ này có thể được sử dụng trong rất nhiều hoàn cảnh. Chẳng hạn, để thể hiện tình cảm của con cháu đối với cha mẹ, ông bà ; tình cảm của học trò đối với thầy, cô giáo hoặc để nói về lòng biết ơn của nhân dân đối với các anh hùng, liệt sĩ đã chiến đấu, hi sinh bảo vệ đất nước,...

(9) *Một cây làm chẳng nên non*

Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.

Một người lẻ loi không thể làm nên việc lớn, việc khó ; nhiều người hợp sức lại sẽ làm được việc cần làm, thậm chí việc lớn lao, khó khăn hơn. Câu này khẳng định sức mạnh của sự đoàn kết. GV cần hướng dẫn HS phân tích một số hình thức nghệ thuật thể hiện ý nghĩa trên của câu tục ngữ (các hình ảnh ẩn dụ và sự đối lập giữa hai vế).

Câu hỏi 3*

a) Trước hết, GV cần hướng dẫn HS hiểu được nghĩa của hai câu tục ngữ (5) và (6).

– *Không thầy đố mày làm nên.*

Với nội dung có ý nghĩa thách đố, câu tục ngữ này đã khẳng định vai trò, công ơn của thầy – người dạy ta từ những bước đi ban đầu về tri thức, cách sống, đạo đức. Sự thành công trong công việc cụ thể, rộng hơn nữa là sự thành đạt của học trò, đều có công sức của thầy. Vì vậy phải biết kính trọng thầy, tìm thầy mà học.

– *Học thầy không tày học bạn.*

Câu này có hai vế (*học thầy – học bạn*) ; quan hệ so sánh giữa chúng được biểu hiện bằng từ so sánh *không tày* (không bằng). Do vậy, ý so sánh được nhấn mạnh và được khẳng định rõ ràng. Câu tục ngữ đề cao ý nghĩa, vai trò của việc học bạn. Nó không hạ thấp việc học thầy, không coi học bạn quan trọng hơn học thầy, mà muốn nhấn mạnh tới một đối tượng khác, phạm vi khác, con người cần học hỏi. Ta gần gũi bạn nhiều hơn, có thể học hỏi nhiều điều ở nhiều lúc hơn.

Bạn còn là hình ảnh tương đồng, ta có thể thấy mình trong đó để tự học, tự trau dồi. Câu tục ngữ khuyến khích mở rộng đối tượng, phạm vi và cách học hỏi, khuyên nhủ về việc kết bạn, có tình bạn đẹp.

b) Hướng dẫn HS so sánh nghĩa của hai câu tục ngữ và nêu một số cặp câu tục ngữ tương tự để minh họa.

– Hai câu tục ngữ trên nói về hai vấn đề khác nhau. Một câu nhấn mạnh vai trò của người thầy, một câu lại nói về tầm quan trọng của việc học bạn. Để cạnh nhau, mới đầu tưởng như chúng mâu thuẫn, đối lập, nhưng thực ra chúng bổ sung nghĩa cho nhau.

– Tục ngữ có rất nhiều trường hợp tương tự như vậy. Ví dụ :

+ *Máu chảy ruột mềm.*

+ *Bán anh em xa mua láng giềng gần.*

+ *Có mình thì giữ.*

+ *Sẩy đàn tan ghé.*

Câu hỏi 4

GV hướng dẫn HS chứng minh và phân tích ý nghĩa cách diễn đạt của tục ngữ bằng những ví dụ trong văn bản (có thể lấy thêm một số ví dụ khác). Câu hỏi này GV cũng có thể yêu cầu HS về làm ở nhà.

a) Diễn đạt bằng so sánh : câu 1, 6, 7.

b) Diễn đạt bằng hình ảnh ẩn dụ : câu 8, 9.

c) Từ và câu có nhiều nghĩa : câu 2, 3, 4, 8, 9.

Hoạt động 3. GV hướng dẫn HS luyện tập.

– Tìm những câu tục ngữ đồng nghĩa và những câu tục ngữ trái nghĩa với những câu tục ngữ trong bài.

GV giải thích ngắn gọn để HS hiểu thế nào là câu tục ngữ đồng nghĩa (có nghĩa giống nhau), những câu tục ngữ trái nghĩa (nêu các hiện tượng trái nghĩa với những câu tục ngữ trong bài) và yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ của bài tập. Ví dụ :

Câu	Đồng nghĩa	Trái nghĩa
(1)	<ul style="list-style-type: none"> - Người sống hơn đồng vàng - Lấy của che thân, không ai lấy thân che của 	<ul style="list-style-type: none"> - Của trọng hơn người
(8)	<ul style="list-style-type: none"> - Uống nước nhớ nguồn - Uống nước nhớ kẻ đào giếng 	<ul style="list-style-type: none"> - Ăn cháo đá (đái) bát - Được chim bẻ ná, được cá quên nơm

- GV yêu cầu 1 HS đọc phần Ghi nhớ – SGK cho cả lớp nghe, sau đó phân tích và nhấn mạnh các ý của mục này để HS dễ nhớ.

- GV yêu cầu HS xem phần Đọc thêm, trang 13 và 14, SGK, làm các bài tập có liên quan (sách Bài tập) ở nhà.

III – TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chu Xuân Diên – Lương Văn Đang, *Tục ngữ Việt Nam*, Sđd.
2. Hoàng Văn Hành (Chủ biên), *Kể chuyện thành ngữ, tục ngữ*, tập I, Sđd.